|  |  |
| --- | --- |
| Phòng GD&ĐT thị xã Buôn Hồ  **Trường THCS Hùng Vương** | **KIỂM TRA HỌC KÌ I – TIẾT 36 (NH: 2019 – 2020)**  **MÔN : ĐỊA LÍ 9**  **THỜI GIAN : 45 PHÚT** |

I**. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU KIỂM TRA:**

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: Biết, hiểu và vận dụng của HS sau khi học về chủ đề Địa lí các ngành kinh tế

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ HS một cách kịp thời.

II. **XÁC ĐỊNH HÌNH THỨC KIỂM TRA**:

- Hình thức trắc nghiệm(30%TN), tự luận (70% TL)

III. **XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**:

Đề kiểm tra với các chủ đề và nội dung kiểm tra có số tiết: 5 tiết (100%), phân phối cho các nội dung thuộc các bài thuộc chủ đề các vùng kinh tế (Vùng Trung Du và miền núi Bắc Bộ, vùng Bắc Trung Bộ, Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên)- Trên cơ sở phân phối số tiết như trên, kết hợp với việc xác định các chuẩn quan trọng tiến hành xây dựng ma trận đề kiểm tra như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề - Nội dung/ Mức độ nhận thức** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **Vận dụng** | **Vận dụng Cao** | |
| **Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ** | -Biết được tên các tỉnh, thành phố thuộc vùng TD &MNBB  -Biết được các đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội của vùng |  | -Hiểu được đặc điểm nổi bật của vùng  -Hiểu được cách xác định vị trí của một tỉnh, vùng hay khu vực. |  |  | -So sánh được sự giống và khác nhau giữa 2 tiểu vùng Đông Bắc và tiểu vùng Tây Băc | |
| *Số câu: 2*  *Sốđiểm:0,5đ* |  | *Số câu : 2*  *Sốđiểm:0,5đ* |  |  | *Số câu: 1*  *Số điểm: 1,0đ* | |
| **Vùng Bắc Trung Bộ** | -Biết được các ngành công nghiệp quan trọng của vùng.  -Xác định được các trung tâm kinh tế của vùng  -Biết được vai trò của từng trung tâm kinh tế vùng Bắc Trung Bộ. | -Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Bắc Trung Bộ. | -Hiểu được khó khăn trong sản xuất lương thực của vùng Bắc Trung Bộ. |  |  |  | |
| *Số câu:3*  *Sđ:0,75đ* | *Số câu: 1*  *Số điểm:2,5đ* | *Số câu:1*  *Sđ:0,25đ* |  |  |  | |
| **Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ** | -xác định được vị trí các đảo và hệ thống quần đảo của vùng DHNTB |  | -Hiểu được hoạt động kinh tế phụ thuộc vào các yếu tố tự nhiên.  -Hiểu được sản lượng khai thác thủy sản của vùng lớn hơn Bắc Trug Bộ.  -Giải thích được nguyên nhân nghề làm muối phát triển mạnh ở DHNTB |  | -Chứng minh được du lịch là thế mạnh vủa vùng DHNTB |  | |
| *Số câu:1*  *Sốđiểm:0,25đ* |  | *Số câu: 3*  *Sốđiểm:0,75đ* |  | *Số câu: 1*  *Sốđiểm:2,0đ* |  | |
| **Vùng Tây Nguyên** |  |  |  | *-Hiểu được những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên* |  |  | |
|  |  |  | *Số câu: 1*  *Sốđiểm:1,5đ* |  |  | |
| *Số câu: 16*  *Sốđiểm:10.0đ*  *Tỉ lệ: 100%* | *Số câu: 6*  *Số điểm: 1.5đ= 15%* | *Số câu: 1*  *Sốđiểm:*  *2,5đ=25%* | *Số câu: 6*  *Số điểm: 1.5đ= 15%* | *Số câu: 1*  *Số điểm: 1.5đ=15%* | *Số câu: 1*  *Số điểm:*  *2.0đ =20%* | | *Số câu: 1*  *Số điểm: 1.0đ=10%* |
| *TĐ:10,0đ*  *TL:100%* | *4.0 = 40%* | | *3.0 = 30%* | | *3.0 = 30%* | | |

**IV. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA**

**I.TRẮC NGHIỆM: (3 điểm )**

**Em hãy khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng**

***Câu 1: (0,25đ)*** Tỉnh nào **không** thuộc Trung Du miền núi Bắc Bộ

A.Lào Cai B.Cao Bằng C.Quảng Ninh D.Hải Phòng

***Câu 2: (0,25đ)*** Các ngành công nghiệp thế mạnh của Bắc Trung Bộ là

A.Hóa chất và luyện kim

B.Điện lực và khai thác dầu khí

C.Chế biến lương thực thực phẩm và cơ khí.

D.Khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng

***Câu 3: (0,25đ)*** Đặc điểm nào sau đây **không phải** của Trung du miền núi Bắc Bộ

A.Có diện tích lớn nhất so với các vùng khác

B.Có dân số đông nhất so với các vùng khác

C. Có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.

D.Có nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có nhất cả nước

***Câu 4: (0,25đ)*** Tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp biển, vừa giáp Đông bằng sông Hồng.

A.Điện Biên Phủ B.Hòa Bình C.Quảng Ninh D. Bắc Giang.

***Câu 5: (0,25đ)*** Các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Trung Bộ

A.Thanh Hóa, Vinh, Huế B.Thanh Hóa, vinh, Hà Tĩnh

C.Vinh, Đồng Hới, Đông Hà D.Bỉm Sơn, Cửa Lò, Đồng Hới.

***Câu 6: (0,25 đ)*** Đặc điểm nào **không phải** là khó khăn trong sản xuất lương thực của vùng Bắc Trung Bộ.

A.Đồng bằng hẹp B.Nhiều thiên tai

C.Đất đai kém màu mỡ D.Hiện tượng sa mạc hóa nhanh.

***Câu 7: (0,25đ)*** Quần đảo Hoàng sa và Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh

A.Quảng Nam, Quảng Ngãi B.Bình Định, Phú Yên

C.TP Đà Nẵng, Khánh Hòa C.Ninh Thuận, Bình Thuận.

***Câu 8: (0,25đ)*** Hoạt động kinh tế **không có** ở vùng đồi núi phía Tây duyên hải Nam Trung Bộ

A.Công nghiệp, thương mại B.Chăn nuôi gia súc

C.Trồng rừng, cây ăn quả C.Trồng cây công nghiệp lâu năm.

***Câu 9: (0,25đ)*** Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung nổi bật là chịu

A.tác động rất lớn của biển B.ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ

C. ảnh hưởng mạnh của thủy văn. D.sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình

***Câu 10: (0,25đ)*** Thành phố là hạt nhân để hình thành trung tâm công nghiệp và dịch vụ của cả khu vực Bắc Trung Bộ là

A.Vinh B.Huế C.Đà Nẵng D.Thanh Hóa.

***Câu 11: (0,25đ)*** Sản lượng khai thác thủy sản ở Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ là

A.Có đường bờ biển dài hơn B.Nhiều ngư trường lớn

C.Nhiều tàu thuyền hơn D.Khí hậu thuận lợi hơn.

***Câu 12: (0,25đ)*** Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nghề làm muối phát triển vì

A.Khí hậu khô nóng, ít mưa B.Có đường bờ biển khúc khuỷu

C.Có khí hậu gió mùa D.Có các dãy núi ăn lan ra sát biển.

**II.TỰ LUẬN ( 7,0 điểm)**

***Câu 1: ( 2,5 điểm)*** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam

Em hãy xác định vị trí địa lí, giới hạn vùng Bắc Trung Bộ và rút ra ý nghĩa phát triển kinh tế?

***Câu 2: (1,5 điểm)*** Đặc điểm tự nhiên có thuận lợi và khó khăn gì đối với quá trình phát triển kinh tế của vùng Tây Nguyên?

***Câu 3: (2,0 điểm)*** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam

Em hãy chứng minh du lịch là thế mạnh của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

***Câu 4: (1,0 điểm)*** em hãy so sánh đặc điểm địa hình của tiểu vùng Đông Bắc và tiểu vùng Tây Bắc.

**V.ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM MÔN ĐỊA 9**

**I.TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

***Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 đ***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Ý đúng | D | D | B | C | A | D | C | A | D | A | B | A |

**I.TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu số** | **Gợi ý trả lời** | **Điểm** |
| 1.(2,5đ) | -Vị trí:  +Phía Bắc: vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng  +Phía Nam: Duyên hải Nam Trung Bộ  +Phía Tây : Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào  +Phía Đông: Biển  -Giới hạn lãnh thổ  +Vùng Bắc Trung Bộ lãnh thổ kéo dài từ dãy Tam điệp đến dãy Bạch Mã  +Lãnh thổ hẹp ngang  +Diện tích : 51 513 km2  +Gồm 6 tỉnh : Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, quảng Bình, Quảng Trị, Thừa thiên – Huế.  -Ý nghĩa :  +Là cầu nối kinh tế giữa miền Bắc và miền Nam, giao lưu kinh tế quốc tế  +Là cửa ngõ hành lang Đông Tây của các nước tiểu vùng sông Mê Công  +Phát triển tổng hợp kinh tế biển | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| 2.(1,5đ) | -Thuận lợi :  +Có diện tích đất bazan rộng lớn thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cà phê.  +Khí hậu cận xích đạo lại có sự phân hóa theo độ cao nên cây trồng đa dạng (có cả cây nhiệt đới, cận nhiệt )  +Nguồn nước và tiềm năng thủy điện lớn, chiếm 21% trữ lượng thủy điện cả nước.  +Khoáng sản bô xít có trữ lượng lớn, hàng tỉ tấn.  +Tài nguyên du lịch phong phú thuận lợi cho phát triển du lịch đặc biệt du lịch sinh thái , lễ hội, văn hóa độc đáo...  -Khó khăn:  +Mùa khô hạn hán, thiếu nước  +Thiếu lao động đặc biệt là lao động có tay nghề  +Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn  +việc chặt phá rừng quá mức ảnh hưởng xấu đến môi trường | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| 3.(2,0 đ) | Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam Trang 25 Du lịch  \*Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nguồn tài nguyên du lịch phong phú  -Tài nguyên du lịch tự nhiên :  +Tập trung nhiều bãi biển đẹp (dẫn chứng)  +Có các thắng cảnh nổi tiếng : (dẫn chứng)  -Tài nguyên du lịch nhân văn:  +Di sản thế giới: (dẫn chứng)  +Di tích cách mạng (dẫn chứng)  -Vùng có khí hậu khô, quanh năm có ánh nắng chan hòa nên rất thích hợp phát triển du lịch biển đảo  -Giao thông thuận tiện: nằm trên trục giao thông Bắc – Nam, có các sân bay (dẫn Chứng), và nhiều cảng biển (dẫn chứng).  => có điều kiện phát triển nhiều loại hình du lịch, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. | 0,25đ  0,5đ  0,5đ  0,25đ  0,5đ |
| 4.(1,0đ) | \*Giống : Hướng nghiêng địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam  \*Khác:  -Đông Bắc: Địa hình chủ yếu là núi thấp, hướng núi vòng cung  -Tây Bắc: Địa hình núi cao xen giữa là các thung lũng sông, hướng núi Tây Bắc – Đông Nam, địa hình cao nhát cả nước (Hoàng Liên Sơn) | 0,25đ  0,25đ  0,5đ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DUYỆT CM** | **DUYỆT TỔ CHUYÊN MÔN** | **Giáo viên**  **Nguyễn Thị Hoàn** |